

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung về học phần:

- **Tên học phần: PHIÊN DỊCH**

- **Tên tiếng Anh: CONSECUTIVE INTERPRETATION PRACTICE**

- Mã số học phần:

- Số tín chỉ: 03

Số giờ tín chỉ: 45 tiết (trong đó: *Lý thuyết: 22, bài tập: 23*)

- Ngành học: Cao đẳng tiếng Trung

- Loại học phần: Bắt buộc

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tiếng Trung

- Giảng viên phụ trách:

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

### 2. Điều kiện tiên quyết:

### 3. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức:

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể đạt được những yêu cầu sau:

+ Người học có cái nhìn toàn diện về phiên dịch, nhận biết được sự giống và khác nhau về thói quen sử dụng từ ngữ, cũng như các yếu tố văn hoá đi kèm khi tiến hành dịch Trung - Việt, Việt - Trung.

+ Nắm bắt cách thức xử lý các trường hợp khi tiến hành dịch nói đối chiếu giữa tiếng Trung và tiếng Việt.

- Kỹ năng:

+ Tiếp tục rèn luyện nâng cao kỹ năng nghe, viết, nói và đọc.

- Thái độ:

+ Có ý thức tổ chức việc học tập hiệu quả và có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu

+ Tự tin, sẵn sàng tiếp nhận thông tin và biết cách xử lý đúng với nội dung đặt ra.

### 4. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	<i>Về kiến thức</i>

CDR 1	Trình bày những khái niệm cơ bản về phiên dịch. Mối liên quan giữa khẩu ngữ và "khẩu dịch" (dịch nói)..., so sánh các loại hình phiên dịch.
CDR 2	Nắm bắt kỹ năng nghe và lý giải trong dịch nói; phương pháp bút ký, tốc ký; những công tác chuẩn bị trước một buổi dịch Hội nghị, Hội thảo...
CDR 3	Xác định được sự khác biệt về tiếng mẹ đẻ và tiếng Trung Quốc để phục vụ cho mục đích dịch thuật
CDR 4	Chọn được giải pháp hợp lý nhất cho các vấn đề gặp phải trong dịch thuật liên quan đến từ vựng, cấu trúc, ngữ dụng, văn hóa, và văn phong
	<b><i>Về kỹ năng</i></b>
CDR 5	Nhận ra các sắc thái khác nhau của hai ngôn ngữ Trung - Việt
CDR 6	Mô phỏng chính xác ngôn phong phù hợp trong các ngữ cảnh tương ứng để cải thiện bản dịch nói ở cả hai ngôn ngữ
	<b><i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></b>
CDR 7	Có ý thức tổ chức việc học tập hiệu quả và có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu

### 5. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 9 bài, từ bài 1 đến bài 9 Giáo trình dịch Việt Hán. Học phần này chủ yếu cung cấp cho sinh viên các khái niệm và quy tắc dịch nói; phân biệt điểm giống và khác nhau trong thói quen sử dụng ngôn ngữ của người Trung Quốc và Việt Nam.

### 6. Nội dung chi tiết học phần:

#### **第一课：翻译理论知识**

一、什么是翻译

二、翻译的种类

三、翻译的过程

#### **第二课：越语汉语称数法的对比和越数词的翻译**

一、系位数词的对比和翻译

二、倍数说法的对比和翻译

三、百分数说法的对比和翻译

#### **第三课：越汉语人称代词的对比和越语人称代词的翻译**

一、人称代词的感情色彩

二、家称谓名词用做人称代词

三、人称代词 người ta 的翻译

#### **第四课：越语中汉语介词的词义演变和翻译中对汉语介词的处理**

一、汉语介词是越语词汇的重要组成部分

二、翻译中必须注意汉语介词的词义演变

三、汉语介词的词义演变的两种主要模式

#### **第五课：虚词的翻译**

一、虚词在越语中的重要作用

二、若干常用虚词译法

#### **第六课：成语的翻译**

一、用同义的汉语成语翻译越语成语

二、尽可能保留原文的形象

三、译出原文成语的含义

四、对汉根成语的处理

#### **第七课：越汉语定语的对比较翻译**

一、前置定语

二、后置定语

三、注意分清定语和谓语的界限

#### **第八课：长句的翻译**

一、顺序译法

二、逆序译法

三、折译法

#### **第九课：综合翻译练习**

### **7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian:**

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ
-----	---------	-----------------

		<b>Tổng</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Bài tập</b>	<b>Thảo luận</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Khác (*)</b>
1	翻译理论基础知识	5	5	0			
2	越语汉语称数法的对比和越数词的翻译	5	2	3			
3	越汉语 人称代词的对比和 越语 人称代词 的翻译	5	2	3			
4	越语中汉语介词的词义演变和翻译中对汉语介词的处理	5	2	3			
5	虚词的翻译	5	2	3			
6	成语的翻译	5	1	4			
7	越汉语定语的对比及翻译	5	1	4			
8	长句的翻译	5	1	4			
9	综合翻译练习	5	0	5			

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các chương) của học phần**

Bài	CDR1	CDR2	CDR3	CDR 4	CDR5	CDR6	CDR7
1	1	1	1	1	1	1	1
2	1	1	1	1	1	1	1
3	1	1	1	1	1	1	1
4	1	1	1	1	1	1	1
5	1	1	1	1	1	1	1
6	1	1	1	1	1	1	1
7	1	1	1	1	1	1	1

8	1	1	1	1	1	1	1
9	1	1	1	1	1	1	1

**Ghi chú:** 1: Tương thích; 2: Tương thích một phần; 3: Không tương thích

## 8. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp làm việc nhóm, tổ chức các hoạt động, sử dụng máy chiếu...

## 9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Kiến thức: Sinh viên phải tự nghiên cứu trước nội dung bài giảng, chuẩn bị các bài tập, các câu hỏi hướng dẫn học tập, hoàn thành tất cả các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần. Tự tìm tài liệu để tham gia thảo luận, tự học ở nhà.

- Các điều kiện khác: Phải tham gia làm bài tập trên lớp đầy đủ.

## 10. Tài liệu học tập:

### 10.1 Tài liệu bắt buộc:

[1]. 赵玉兰 (2001), 《汉越翻译教程》, 北京大学出版社.

### 10.2 Tài liệu tham khảo:

[1]. 鲍刚 (2011), 《口译理论概述》, 中国对外翻译出版社.

[2]. 梁远、温日豪 (2005), 《实用汉越互译技巧》, 民族出版社.

[3]. 范仲英 (2000), 《实用翻译教程》, 外语教学与研究出版社.

[4] 黄伯荣主编 (2007), 《现代汉语-下册》, 高等教育出版社.

## 11. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng được mô tả ở bảng sau:

## 12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	<i>Chuyên cần, thái độ</i> - Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc - Ghi chép bài đầy đủ	Quan sát, điểm danh	5%

	- Tích cực thảo luận		
2	<i>Kiểm tra thường xuyên</i> - Sau mỗi tín chỉ, giảng viên cho sinh viên làm bài kiểm tra để hệ thống lại và đánh giá nội dung kiến thức và kỹ năng đã được học trong TC đó	Viết	25%
3	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Viết	70%

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá**

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Quan sát, điểm danh	2	2	2	2	2	2	1
Kiểm tra viết	1	1	1	1	1	1	1

*Ghi chú: 1: Tương thích; 2: Tương thích một phần; 3: Không tương thích*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Q.TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN**

**PGS.TS Hoàng Dương Hùng**

**ThS. Lê Thị Như Thủy**

**TS. Võ Văn Quốc Huy**